ỨNG DỤNG BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC QUẢN LÝ BÁO CHÍ THỂ DỤC THỂ THAO CHO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Cẩm Ninh*

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường qui đề tài đã lựa chọn được 6 biện pháp đảm bảo cơ sở khoa học và phù hợp điều kiện thực tiễn giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả học môn Quản lý báo chí cho sinh viên ngành Quản lý. Để khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp đã lựa chọn, đề tài tiến hành ứng dụng các biện pháp trong thực tiễn công tác giảng dạy môn học Quản lý báo chí TDTT cho sinh viên ngành quản lý trường ĐH TDTT Bắc Ninh.

Từ khoá: Biện pháp, Quản lý báo chí, hiệu quả học tập...

Application of studying methods to enhance effectiveness of sport press management for Management students of Bac Ninh sports university

Summary:

By using common research measures, the study chose 3 most appropriate methods to the teaching reality with scientific foundation to enhance the effectiveness of the sport press management for Management students. With a view to affirming the efficiency of chosen methods, the study has carried out them in teaching the sport press management for Management students of Bac Ninh Sports University.

Key words: Methods, press management, studying efficiency...

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là một nhiệm vụ được Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường đặc biệt quan tâm, trong đó nghiên cứu những biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học được Nhà trường rất chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo. Môn học Quản lý báo chí TDTT là môn học nằm trong chương trình đào tạo cho sinh viên chuyên ngành Quản lý TDTT của Nhà trường. Kết quả học tập của sinh viên những năm gần đây đã có những thành tích đáng khích lệ. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn còn có những hạn chế. Chính vì vậy, ứng dụng biện pháp nâng cao hiệu quả học môn học Quản lý báo chí TDTT cho sinh viên Ngành Quản lý Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là yêu cầu cấp bách.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn toạ đàm; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Nguyên tắc lựa chọn biện pháp nâng cao hiệu quả học môn học Quản lý báo chí TDTT

Căn cứ vào thực tiễn các điều kiện đảm bảo cho công tác giảng dạy, qua tham khảo tài liệu cũng như thực tế giảng dạy, đề tài lựa chọn một số nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1: Đảm bảo tính khoa học

Nguyên tắc 2: Phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng

Nguyên tắc 3: Quán triệt mục tiêu đào tạo

*TS, Trưởng Bộ môn Quản lý TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

2. Lựa chọn biện pháp nâng cao hiệu quả học môn Quản lý báo chí TDTT cho sinh viên Ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Dựa vào cơ sở và nguyên tắc lựa chọn biện pháp, qua tham khảo tài liệu, qua thực trạng công tác dạy và học môn học của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đề tài lựa chọn được 16 biện pháp, sau đó tiến hành phỏng vấn 20 giáo viên đang giảng dạy tại Trường để tìm ra các biện pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn. Các biện pháp đề xuất đều được các ý kiến đánh giá ở mức quan trọng trở lên chiếm tỉ lệ cao (65% trở lên). Trên cơ sở đó, đề tài lựa chọn 06 biện pháp có số phiếu tán thành ở mức rất quan trọng chiếm tỷ lệ 75% trở lên nhằm nâng cao hiệu quả học môn Quản lý báo chí TDTT cho sinh viên Ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đó là:

- Thay đổi cách nghĩ, cách học của sinh viên
- Học đi đôi với hành
- Tăng cường cung cấp thông tin để sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập
- Phân chia các nhóm học tập
- Bồi dưỡng phương pháp tự học cho SV
- Tăng cường bài tập về nhà cho sinh viên sau khi kết thúc bài giảng

3. Đánh giá hiệu quả biện pháp nâng cao hiệu quả học môn Quản lý báo chí TDTT cho SV Ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

3.1. Tổ chức thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành trên 44 sinh viên Ngành Quản lý TDTT khóa Đại học 49. Thời gian thực nghiệm là 48 tiết của học kỳ I (từ tuần 1 đến tuần 12), năm học 2016 - 2017. Quá trình giảng dạy giảng viên sử dụng các biện pháp đã lựa chọn để tác tác động tới quá trình dạy và học môn Quản lý báo chí TDTT. Sau thực nghiệm đề tài sử dụng hình thức so sánh tự đối chiếu với kết quả học tập của lớp Quản lý khoá đại học 49 với khóa Đại học 47 và 48.

3.2. Triển khai các biện pháp

Biện pháp 1: Thay đổi cách nghĩ, cách học của sinh viên.

- Mục đích: Làm cho sinh viên thay đổi suy nghĩ: Xác định việc học là lấy kiến thức, trưởng thành trong suy nghĩ và kỹ năng sống là cơ sở sau này đi làm chứ không phải học để có tấm bằng; Thay đổi cách học: Chuyển từ phương pháp học bị động sang chủ động, sinh viên tự tìm hiểu, nghiên cứu để lĩnh hội tri thức.

- Nội dung thực hiện: Trong quá trình giảng dạy, đặc biệt ở buổi học đầu tiên, GV dành thời gian để khái quát nội dung môn học, sau đó phân tích cho SV biết được ý nghĩa, tầm quan trọng của môn Quản lý báo chí TDTT trong quá trình học tập và sau khi ra trường (Giới thiệu cho SV biết chuẩn đầu ra của cử nhân ngành Quản lý TDTT, hệ thống các tài liệu cần thiết cho môn học và phương pháp có thể áp dụng trong môn học).

Biện pháp 2: Học đi đôi với hành

- Mục đích: Thông qua thực hành, người học nắm chắc lí thuyết hơn vì lí thuyết ấy được biến thành việc làm và được kiểm nghiệm trong thực tiễn.

- Nội dung thực hiện: Trong quá trình học những kiến thức và kỹ năng trang bị cho SV được vận dụng vào thực tiễn ở phạm vi lớp và trường. Như:

+ Tổ chức cho sinh viên thu lượm tin tức về nhân vật, hoặc sự kiện ở phạm vi trong lớp, trong trường.

+ Yêu cầu sinh viên xây dựng kế hoạch và tiến hành những cuộc phỏng vấn theo những kiến thức và kĩ năng đã được trang bị.

+ Yêu cầu sinh viên viết tin, bài theo cuộc phỏng vấn đã thực hiện và thông tin đã thu được...

Biện pháp 3: Tăng cường cung cấp thông tin để sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập

- Mục đích: SV chủ động nắm bắt được thời gian, nội dung và yêu cầu của môn học để chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của mình.

- Nội dung thực hiện: GV giới thiệu nội dung môn học và những yêu cầu cần thiết đối với môn học ngay từ giáo án đầu, như: Thời lượng các chương, phương pháp giảng dạy ở các bài, các giáo án; Thời gian, thời điểm đi thực tế, thời gian kết thúc môn học, hình thức thi kết thúc…

Hướng dẫn cho SV lên kế hoạch học tập cho môn học (nội dung, yêu cầu, thời gian, địa điểm), bao gồm các công việc: Kế hoạch lên thư viện tìm và đọc tài liệu; Kế hoạch đi thực tế lấy tin viết bài; Kế hoạch ôn tập môn học.

Biện pháp 4: Phân chia các nhóm học tập

- Mục đích: Sinh viên cùng nhau học và hỗ trợ nhau trong học tập, khả năng làm việc nhóm, tăng sự hứng thú khi làm bài tập và lên lớp.

- Nội dung thực hiện: Ngay buổi đầu của môn học, Giảng viên thông báo cho sinh viên biết cách tổ chức nhóm và nội dung hoạt động học tập của nhóm.

+ Mỗi nhóm khoảng từ 4-6 sinh viên. Giảng viên có thể phân nhóm ngẫu nhiên hoặc theo sự sắp xếp của mình. Cũng có khi để tự sinh viên lựa chọn và tự kết nhóm.

+ Cơ cấu tổ chức nhóm: Nhóm trưởng có trách nhiệm tổ chức, điều hành mọi hoạt động của nhóm (Có thể có nhóm phó nếu cần); Thư ký để ghi chép các diễn biến công việc, thảo luận của nhóm.

Biện pháp 5: Bồi dưỡng phương pháp tự học cho sinh viên.

- Mục đích: Sinh viên chủ động, tự mình chiếm lĩnh tri thức, chân lý bằng hành động của mình, tự phát triển bên trong.

- Nội dung thực hiện: GV định hướng, phân tích cho sinh viên thời điểm học khi nào, học cái gì và trong mỗi nội dung bài học nên sử dụng các loại tài liệu tham khảo nào. Cần đọc và tìm hiểu bài mới trước khi lên lớp, nội dung nào không hiểu SV nêu câu hỏi và GV trả lời.

GV hướng dẫn SV có những phương pháp tự học, cách thức tiến hành tự học cụ thể hiệu quả như:

- Biết cách phân tích, tổng hợp, so sánh.

- Biết tranh luận và biết trình bày quan điểm của mình.

- Biết tập trung tư tưởng, tiết kiệm thời gian học tập.

- Biết tự kiểm tra, tự đánh giá trình độ của bản thân…

Để giúp SV có được những cách thức tiến hành tự học như vậy, GV có thể trực tiếp hướng dẫn họ ở trên lớp, thông qua các bài giảng mà hình thành cho SV những phương pháp tự học đúng đắn, hiệu quả.

Biện pháp 6: Tăng cường bài tập về nhà cho sinh viên sau khi kết thúc bài giảng

- Mục đích: Biện pháp này giúp SV củng cố kiến thức, tìm và sưu tầm tài liệu tham khảo phục vụ nội dung câu hỏi bài tập về nhà.

- Nội dung thực hiện: Sau mỗi giáo án, mỗi chương GV tổng hợp nội dung, nhấn mạnh các nội dung quan trọng và giao bài tập về nhà cho SV. Nội dung câu hỏi ngoài việc nắm được kiến thức đã học, cần phải đọc và tham khảo tài liệu liên quan để giúp SV hoàn thiện hơn trong cách hành văn cũng như trình bày tin, bài.

3.3. Đánh giá hiệu quả biện pháp

Đề tài lựa chọn các tiêu chí đánh giá hiệu quả các biện pháp đã lựa chọn, đó là:

- Đánh giá nhận thức, mức độ hứng thú với môn học của sinh viên ngành Quản lý TDTT khóa ĐH 49 và biện pháp của giáo viên trong quá trình giảng dạy.

- Kết quả điểm kết thúc môn học Quản lý báo chí TDTT.

* Kết quả đánh giá nhận thức, mức độ hứng thú với môn học của sinh viên ngành Quản lý TDTT khóa ĐH 49 và biện pháp của giáo viên trong quá trình giảng dạy.

Sau khi tiến hành thực nghiệm các biện pháp trên đối tượng nghiên cứu, đề tài phỏng vấn sinh viên nhằm đánh giá nhận thức, mức độ hứng thú với môn học của sinh viên ngành Quản lý TDTT khóa ĐH 49 so với một số môn học lý thuyết khác. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy:

- Về nhận thức, mức độ hứng thú của sinh viên khóa ĐH 49 sau khi kết thúc môn học đã có những nhận định theo chiều hướng tích cực. Số lượng SV rất thích môn học này chiếm tỷ lệ cao hơn (43.2%) so với một số môn học khác (20.5%); Tỷ lệ SV thường xuyên sưu tầm tài liệu tham khảo phục vụ môn học nhiều hơn (70.1%) so với môn học khác (59.1%) và dành nhiều thời gian tự học hơn (56.8%).

- Về biện pháp trong giảng dạy của giáo viên: Số SV nhận thấy các biện pháp của giáo viên không làm cho họ căng thẳng chiếm tỷ lệ cao (72.7%), các môn học khác là 40.9%. 77.3% SV cho rằng những biện pháp này phù hợp, tạo sự chủ động và hứng thú cho sinh viên trong học tập. Do đó, tính tích cực của SV trong học tập cũng được tăng lên, biểu hiện cụ thể là 93.2% SV thường xuyên hoàn thành bài tập được giao.

* Kết quả so sánh điểm kết thúc môn học Quản lý báo chí TDTT của sinh viên Ngành Quản lý Thể dục thể thao khóa Đại học 49 với

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn đánh giá nhận thức, mức độ hứng thú với môn học của SV ngành Quản lý khóa ĐH 49 và biện pháp của GV trong quá trình giảng dạy (n= 44)

TT	Câu hỏi	Phương án trả lời	Môn học Quản lý BC TDTT		Các môn học khác	
			Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Em có thích học môn học này không	Rất thích	19	43.2	9	20.5
		Thích	23	52.3	18	40.9
		Không thích	2	4.5	17	38.6
2	Em học môn này vì mục đích gì	Điểm cao	7	15.9	16	36.4
		Nâng cao trình độ	29	65.9	7	15.9
		Đua tranh	6	13.6	4	9.1
		Bắt buộc	2	4.5	17	38.6
3	Môn học này có giúp ích cho bạn sau tốt nghiệp	Có	41	93.2	25	56.8
		Không	3	6.8	19	43.2
4	Em có ôn tập bài cũ không	Không	4	9.1	16	36.4
		Thỉnh thoảng	11	25	20	45.5
		Thường xuyên	29	65.9	8	18.2
5	Em thường học theo cách	Làm đề cương	23	52.3	10	22.7
		Học thuộc lòng theo bài	0	0	5	11.4
		Học theo trọng tâm	7	15.9	4	9.1
		Học theo câu hỏi	13	29.5	7	15.9
		Học tủ	1	2.3	18	40.9
6	Em có tham khảo các tài liệu không	Không	1	2.3	6	13.6
		Thỉnh thoảng	12	27.3	12	27.3
		Thường xuyên	31	70.1	26	59.1
7	Giáo viên giao bài tập về nhà em có hoàn thành không	Không	0	0	8	18.2
		Thỉnh thoảng	3	6.8	11	25
		Thường xuyên	41	93.2	25	56.8
8	Em dành thời gian tự học cho môn học này như thế nào	Nhiều	25	56.8	5	11.4
		ít	6	13.6	26	59.1
		Bình thường	13	29.5	13	29.5
9	So với các môn lý thuyết khác, em dành thời gian cho môn học thế nào	Nhiều hơn	20	45.5	8	18.2
		Ít hơn	7	15.9	21	47.7
		Bằng nhau	17	38.6	15	34.1
10	Em có học hỏi được nhiều kiến thức cần thiết trong môn học này không	Không	1	2.3	9	20.5
		Có	19	43.2	23	52.3
		Nhiều	24	54.5	12	27.3
11	Thời gian nhàn dỗi em có sưu tầm khảo các tài liệu tham khảo	Không	5	11.4	16	36.4
		Thỉnh thoảng	12	27.3	22	50
		Thường xuyên	27	61.4	6	13.6
12	Giáo viên có liên hệ lý thuyết cơ bản với thực tiễn	Không	0	0	7	15.9
		Thỉnh thoảng	11	25	9	20.5
		Thường xuyên	33	75	28	63.6
13	Bài giảng của giáo viên giúp em đào sâu suy nghĩ về nội dung môn học	Không	7	15.9	25	56.8
		Có	37	84.1	19	43.2
14	GV truyền đạt rõ ràng nội dung tài liệu và các kỹ năng nắm bắt kiến thức	Không	15	34.1	29	65.9
		Có	29	65.9	15	34.1

15	Giáo viên hỏi bài trong khi giảng có gắn liền với nội dung bài giảng	Không	0	0	3	6.8
		Có	44	100	41	93.2
16	Giáo viên thường xuyên kiểm tra bài cũ không	Không	1	2.3	8	18.2
		Thỉnh thoảng	15	34.1	12	27.3
		Thường xuyên	28	63.6	24	54.5
17	Nội dung bài tập giáo viên giao về nhà có tổng hợp được nội dung buổi học	Không	6	26.4	23	52.3
		Có	38	86.4	21	47.7
18	GV kết hợp các biện pháp trong quá trình giảng dạy	Không	4	9.1	18	40.9
		Có	40	90.9	26	59.1
19	Em cảm thấy môn học này rất căng thẳng vì các biện pháp của giáo viên	Không	32	72.7	18	40.9
		Thỉnh thoảng	9	20.5	10	22.7
		Thường xuyên	3	6.8	16	36.4
20	Các biện pháp của giáo viên trong giảng dạy	Không hiệu quả	0	0	18	40.9
		Phù hợp với môn học	10	22.7	15	34.1
		Hiệu quả, tạo sự chủ động và hứng thú cho SV	34	77.3	11	25
21	Sau khi kết thúc môn học em có tiếp tục vận dụng và mở rộng kiến thức đã học	Không	13	29.5	29	65.9
		Có	31	70.5	15	34.1

Bảng 2. So sánh kết quả học tập môn Quản lý báo chí TDTT của sinh viên Ngành Quản lý TDTT khóa ĐH 49 với khóa ĐH 47 và 48

Đối tượng	Kết quả xếp loại *(điểm)*											
	Xuất sắc (10)		Giỏi (9-8)		Khá (7)		Trung bình(6-5)		Yếu (4-3)		Kém (<3)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khoá 47(n=20)	0	0	7	35	8	40	4	20	1	5	0	0
Khoá 48(n=43)	1	2.3	16	37.2	17	39.5	7	16.3	2	4.7	0	0
Khoá 49(n=44)	6	13.6	25	56.8	11	25	1	2.3	1	2.3	0	0

khóa Đại học 47 và Khóa Đại học 48 qua hình thức tự đối chiếu.

Để đánh giá khách quan hơn nữa hiệu quả giải pháp đã lựa chọn, sau khi thi kết thúc môn học, đề tài tiến hành tổng hợp điểm của 44 sinh viên ngành Quản lý TDTT khóa ĐH 49 và so sánh với kết quả học tập với khóa ĐH 47 và 48. Kết quả trình bày tại bảng 2.

Kiểm định sự khác biệt về kết quả học tập giữa 2 khóa bằng chỉ số χ^2 thông qua phần mềm SPSS. Kết quả thu được:

Chi-Square Tests			
	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	15.851[a]	8	0.045
Likelihood Ratio	17.935	8	0.022
N of Valid Cases	107		

a. 9 cells (60.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is .75.

Kết quả bảng 2 và kiểm định χ^2 cho thấy: Số lượng sinh viên của ngành Quản lý TDTT khóa ĐH 49 đạt điểm xuất sắc - giỏi tăng lên rõ rệt, ngược lại số SV đạt điểm khá – trung bình giảm xuống so với cả 02 khóa, chỉ có 1 sinh viên đạt điểm yếu chiếm tỉ lệ 2.3%.

Kết quả kiểm định χ^2 (Pearson Chi-Square) giữa hai khóa là 15.851 so với $\chi^2_{\text{bảng}}$ là 15.51. Như vậy, $\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$ chứng tỏ kết quả học tập giữa sinh viên Ngành Quản lý TDTT khóa ĐH 49 so với khóa ĐH 47 và 48 có sự khác biệt, tức là tốt hơn hẳn só với hai khóa so sánh.

Để thể hiện rõ hơn sự khác nhau về kết quả học tập của khóa ĐH 49 với kết quả học tập khóa ĐH 47 và ĐH 48, đề tài đã biểu diễn tỷ lệ % về số lượng SV xếp loại điểm học tập theo 06 mức thông qua biểu đồ 1.

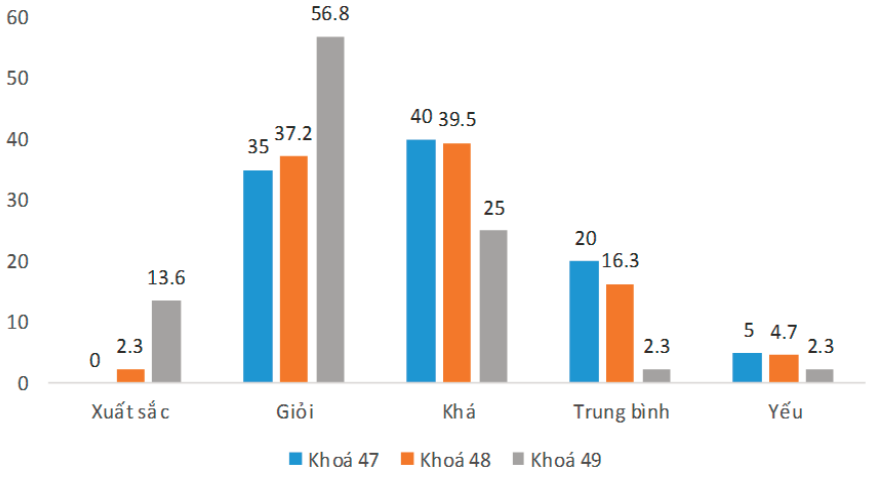








Báo chí có tầm quan trọng đáng kể trong việc phát triển phong trào Thể dục thể thao cho mọi đối tượng.
(Ảnh lớn: Phóng viên Báo Thể thao & Văn hóa/TTXVN tác nghiệp tại Trung tâm báo chí SEA Games 28).



Biểu đồ 1. Biểu đồ biểu diễn tỷ lệ xếp loại kết quả học tập của khóa ĐH 47, khóa ĐH 48 và khóa ĐH 49

Kết quả trên một lần nữa khẳng định các biện pháp mà đề tài lựa chọn áp dụng cho khóa ĐH 49 ngành Quản lý TDTT đã thể hiện tính ưu việt so với các khóa đại học 47, 48.

KẾT LUẬN

Lựa chọn được 6 biện pháp nâng cao hiệu quả học môn Quản lý báo chí TDTT cho sinh viên ngành quản lý TDTT, gồm: Thay đổi cách nghĩ, cách học của sinh viên; Học đi đôi với hành; Tăng cường cung cấp thông tin để sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập; Phân chia các nhóm học tập; Bồi dưỡng phương pháp tự học cho sinh viên; Tăng cường bài tập về nhà cho sinh viên sau khi kết thúc bài giảng. Kết quả thực nghiệm khẳng định các biện pháp trên bước đầu có tác dụng nâng cao hiệu quả học môn Quản lý báo chí TDTT cho sinh viên Ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết TW II (khoá VIII) về định hướng phát triển GD-ĐT Việt Nam trong thời kỳ CNH&HĐH.

2. Phạm Đình Bẩm (2003), *Quản lý chuyên ngành TDTT,* Nxb TDTT, Hà Nội

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Hoàng Chúng (1982), *Phương pháp toán thống kê trong khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

5. Vũ Văn Tảo (2003), *Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường Đại học, Cao đẳng và đào tạo giáo viên trung học cơ sở*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

6. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2008), Chương trình đào tạo cử nhân TDTT.

Bài nộp ngày 10/11/2016, phản biện ngày 19/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016